|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẾN TRE** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 03/NQ-HĐND |  | *Bến Tre, ngày 13 tháng 7 năm 2022* |

# NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 34/NQ-HĐND**

**ngày 28 tháng 9 năm 2020; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24**

**tháng 8 năm 2021; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12**

**năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục**

**các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng**

**trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 3556/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án tại danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019; bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019; sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2021.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2022.

Nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, 2, 3 Điều này gồm 14 dự án, trong đó có 13 dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa gồm 01 dự án sửa đổi địa điểm thực hiện (dự án đã được thông qua Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020), 03 dự án bổ sung 0,7 ha diện tích chuyển mục đất sử dụng đất lúa (các dự án đã được thông qua Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021), bổ sung mới 09 dự án diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa 31,32 ha; bổ sung mới 01 dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khaithực hiệnNghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Hồ Thị Hoàng Yến** |

**Phụ lục**

**DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH**

**SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE TRONG NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

| **STT** | **Tên dự án** | **Vị trí thực hiện dự án** | **Diện tích đất thực hiện dự án (ha)** | **Trong đó** | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)** | **Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  | **32,02** | **0,15** |  |
| **I** | **THÀNH PHỐ BẾN TRE** |  | **0,22** | **0,22** |  |  |
|  | ***Dự án mới*** |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiểu dự án giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 (hạng mục công trình Hoàn trả, di dời hệ thống lưới điện cao thế) | Xã Sơn Đông | 0,22 | 0,22 | *-* | Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 05/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư. Trình song song danh mục thu hồi đất |
| **II** | **HUYỆN MỎ CÀY NAM** |  | **5,70** | **0,50** |  |  |
|  | ***Dự án mới*** |  |  |  |  |  |
| 1 | Đường từ ngã tư Chín Dậu đến Quốc lộ 60, huyện Mỏ Cày Nam | Thị trấn - Đa Phước Hội | 5,70 | 0,50 |  | Quyết định số 3148/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bến Tre. Trình song song danh mục thu hồi đất |
| **III** | **HUYỆN BA TRI** |  | **5,40** | **3,93** |  |  |
|  | ***Dự án mới*** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhà tang lễ thị trấn Ba Tri | Thị trấn Ba Tri | 0,49 | 0,49 |  | Quy hoạch phát triển đô thị thị trấn Ba Tri. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| 2 | Mở rộng bãi rác huyện | Xã An Hiệp | 3,00 | 3,00 |  | Phục vụ nhu cầu chứa rác thải và xây dựng nhà máy xử lý rác. Trình song song danh mục thu hồi đất |
| 3 | Bệnh viện đa khoa huyện Ba Tri | Thị trấn Ba Tri | 1,91 | 0,44 |  | Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 16/01/2020. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| **IV** | **HUYỆN BÌNH ĐẠI** |  | **1,50** | **0,20** |  |  |
|  | ***Dự án sửa đổi, bổ sung*** |  |  |  |  |  |
| 1 | Đường dây 110 kV Phú Thuận- Bình Đại | Xã Phú Thuận, Vang Qưới Đông, Vang Qưới Tây, Phú Vang, Lộc Thuận, Định Trung, Bình Thới | 1,50 | 0,20 |  | Dự án đăng ký bổ sung diện tích chuyển mục đích 0,2 ha đất lúa (đã đăng ký chuyển mục đích 0,1 ha đất lúa tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24/8/2021). Tổng diện tích chuyển mục đích đất lúa của dự án là 0,3 ha. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 |
| **V** | **HUYỆN THẠNH PHÚ** |  | **68,99** | 9,95 | **0,15** |  |
|  | ***Dự án sửa đổi địa điểm thực hiện*** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhà máy điện gió Thạnh Phú | Xã An Nhơn, An Qui, An Điền, An Thuận, Mỹ An và Bình Thạnh | 42,00 | 9,95 |  | Dự án bổ sung địa điểm thực hiện (xã Bình Thạnh) so với Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/9/2020 của HĐND tỉnh Bến Tre. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
|  | ***Dự án mới*** |  |  |  |  |  |
| 1 | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cải thiện sinh kế cho người dân khu vực Bắc Thạnh Phú nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu | Xã An Thạnh, Bình Thạnh, An Thuận, An Qui, Thạnh Phong | 26,99 |  | 0,15 | Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Bến Tre. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| **VI** | **LIÊN HUYỆN** |  | **95,09** | **27,17** | **0,00** |  |
|  | ***Dự án sửa đổi, bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa*** |  | ***3,77*** | ***0,50*** | ***0,00*** |  |
| 1 | Trạm 110kV An Hiệp và đường dây 110kV từ 220kV Bến Tre- 110kV An Hiệp, tỉnh Bến Tre. | Xã Sơn Hòa, An Hiệp, Tường Đa, huyện Châu Thành; xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre | 2,37 | 0,20 |  | Dự án đăng ký bổ sung diện tích chuyển mục đích 0,2 ha đất lúa (đã đăng ký chuyển mục đích 0,1 ha đất lúa tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24/8/2021). Tổng diện tích chuyển mục đích đất lúa của dự án là 0,3 ha. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| 2 | Đường dây 110 kV Ba Tri - Bình Thạnh (Thạnh Phú) | Các xã: An Bình Tây, thị trấn Ba Tri, An Đức, An Hiệp huyện Ba Tri; các xã Mỹ An, An Thạnh, thị trấn Thạnh Phú, Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú | 1,40 | 0,30 |  | Dự án đăng ký bổ sung diện tích chuyển mục đích 0,3 ha đất lúa (đã đăng ký chuyển mục đích 0,3 ha đất lúa tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24/8/2021). Tổng diện tích chuyển mục đích đất lúa của dự án là 0,6 ha. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
|  | ***Dự án mới*** |  | ***91,32*** | ***26,67*** |  |  |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre | Thành phố Bến Tre - huyện Châu Thành | 48,00 | 10,00 |  | Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 05/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| 2 | Đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền 03 huyện Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú (giai đoạn 2) | Huyện Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú | 23,19 | 5,00 |  | Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| 3 | Phân pha dây dẫn đường dây 110 kV từ 175 Bến Tre 2 - Giồng Trôm (trụ 130A) | Xã Sơn Đông, Phú Hưng, Phú Tân, Phường Phú Khương -Thành phố Bến Tre. Xã Hữu Định - Huyện Châu Thành. Xã Phong Nẫm, Lương Hòa, Lương Qưới, Châu Hòa, TT Giồng Trôm - Huyện Giồng Trôm. | 1,77 | 1,77 |  | Quyết định số 82/QĐ-BCT ngày 12/1/2017 của Bộ Công thương. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |
| 4 | Đường Bắc Nam phục vụ khu công nghiệp Phú Thuận và cụm công nghiệp Phong Nẫm (ĐT.DK.08) | Huyện Bình Đại - Giồng Trôm | 18,36 | 9,90 |  | Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Dự án phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện |